TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TƠ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-02-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Um;

2. Bà Đinh Thị Phương Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Trinh-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử sơ thẩm vụ án dân sự số 33/TB-TA ngày 10 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị L;

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Phạm K;

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị L, anh K có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/10/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị L trình bày:*

Chị L và anh K kết hôn vào ngày 01/3/2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vả nhau, anh K thường hay uống rượu, bia về gây gỗ đánh vợ, sống không có trách nhiệm với vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chị L và anh K có 02 người con chung tên là Phạm Huỳnh Khánh L, sinh ngày 16/01/2004 và Phạm Huỳnh Lê K, sinh ngày 19/01/2007 (hiện hai cháu đang sống cùng chị L tại tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi). Nếu ly hôn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi hai cháu L, K và anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.250.000đ/cháu/tháng cho đến khi hai cháu L, K đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L trình bày không có.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm K trình bày:*

Điều kiện kết hôn giữa anh K và chị L đúng như chị L đã trình bày, trong quá trình chung sống đôi lúc vợ chồng cũng có cãi vả và vì tính chất công việc nên bản thân cũng chưa thường xuyên quan tâm đến vợ con, mâu thuẫn giữa anh và chị L không đến nỗi trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm của anh K đối với chị L vẫn còn, anh K vẫn muốn cùng chị L nuôi dạy con chung trưởng thành, nên anh K không đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh K và chị L có hai người con chung đúng như chị L đã trình bày, nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi hai cháu L, K và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh K trình bày không có

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân

sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Huỳnh Thị L được ly hôn với anh Phạm K.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Huỳnh Khánh L, sinh ngày 16/01/2004 và Phạm Huỳnh Lê K, sinh ngày 19/01/2007 cho chị Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm K phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.250.000đ/cháu/tháng (*Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) cho đến khi cháu L và cháu K đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị L, anh Phạm K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị L, anh Phạm K trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Huỳnh Thị L, anh Phạm K phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bị đơn anh Phạm K có đăng ký hộ khẩu tại tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng không thông cảm cho nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án anh K có nguyện vọng được đoàn tụ nên Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện về mặt thời gian để các đương sự có điều kiện hàn gắn tình cảm với nhau. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị L kiên quyết ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa, tuy sống chung một nhà nhưng chị L trình bày chị đã ly thân anh K khoảng 02 năm nay, phần anh K cũng không có biện pháp hay kế hoạch gì để vợ chồng trở lại đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị L yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[3] Về con chung: Chị L và anh K có 02 người con chung là Phạm Huỳnh Khánh L, sinh ngày 16/01/2004 và Phạm Huỳnh Lê K, sinh ngày 19/01/2007. Chị L, anh K đều có thu nhập ổn định và đều có nguyện vọng nuôi hai cháu L và K; Tuy nhiên, theo anh K trình bày là thường xuyên đi công tác xa nhà nên không thể đủ điều kiện chăm sóc hai con chung, nên Hội đồng xét xử xét thấy giao hai cháu L và K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Chị L yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.250.000đ/cháu/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Qua thu thập tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thì thấy hiện tại thu nhập bình quân hàng tháng của anh K là 6.816.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm mười sáu ngàn đồng*), xét yêu cầu của chị L là phù hợp với thu nhập và khả năng thực tế của anh K nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh K phải chịu 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83,116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị L và anh Phạm K.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Huỳnh Khánh L, sinh ngày 16/01/2004 và Phạm Huỳnh Lê K, sinh ngày 19/01/2007 cho chị Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Phạm K phải đóng góp nuôi con với chị Huỳnh Thị L số tiền là 1.250.000đ/con/tháng (*Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng cho một con chung trong một tháng*) cho đến khi cháu L và cháu K đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 02 năm 2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Phạm K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí*:* Chị Huỳnh Thị L phải chịu số tiền 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 011432 ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Phạm K phải chịu 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/02/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- UBND thị trấn B,;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Huy